

Hồng cầu

Hình thái

- Đĩa lõm 2 mặt
 - tăng S tiếp xúc
 - uốn mình chui qua mạch mini
- Không nhân, bào quan
- Túi chứa hemoglobin bọc = lưới

Số lượng (trong máu ngoại vi)

Nam giới: $5,05 \pm 0,38 \text{ T/l} (\times 10^{12} \text{ tế bào/lít})$.

Nữ giới: $4,66 \pm 0,36 \text{ T/l} (\times 10^{12} \text{ tế bào/lít})$.

Hb

- 200 - 300 triệu Hb / 1 hồng cầu
- 34% khối lượng hồng cầu
- 1 Hb gắn 4 Oxy

Chức năng

Vận chuyển

- Oxi + Hb $\rightarrow$ HbO₂ (oxyhemoglobin)

□ VC 98% oxy

- CO₂ + Hb $\rightarrow$ HbCO₂ (carbaminohb)

□ VC 20% CO₂

- **Đệm Hb: 70%** khả năng đệm của máu toàn phần

Bạch cầu (trong máu ngoại vi)



Phân loại

- **BC hạt** (granulocyte)
 - Nhân **chia thùy** (Đa nhân)
 - Hạt: chủ yếu là lysosome
- **BC không hạt** (agranulocyte)
 - Nhân **không chia thùy** (Đơn nhân)

Số lượng

- 4 - 11 G/l (giga/l)

Nam $8,0 \pm 2 \text{ G/l} (\times 10^9 \text{ tế bào/lít})$.

Nữ $8,1 \pm 2 \text{ G/l} (\times 10^9 \text{ tế bào/lít})$.

Công thức BC

- Trong 100 BC (nam ~ nữ)

BC hạt trung tính : $57,4 \pm 8,4\%$

BC hạt ưa acid : $3,2 \pm 2,6\%$

BC hạt ưa base : **rất hiếm gặp**

BC mono : $3,8 \pm 0,5\%$

BC lympho : $35 \pm 7,2\%$

Đặc tính

- @: BH, MLK, ...
- **Vận động**: amib, chui qua thành MM
- HUD - Thực bào

Thay đổi sinh lý

Tăng

- Sau ăn
- Sau vận động
- Trong CKKN
- Cuối thai kỳ
- Trẻ sơ sinh

Thay đổi bệnh lý

Tăng

- Nhiễm: VK, VR
- Rối loạn: RLCH, RL hormon
- Dị ứng
- Bệnh ác tính

Leukemia: bệnh ác tính

- **Thể lympho**: quá sản BC lympho @ BH
- **Thể tủy**: quá sản tủy bào non @ tủy xương

Giảm

- Tủy xương giảm sản xuất
- Cause:
 - Tia y
 - Thuốc
 - Hóa chất
 - nhân benzen
 - nhân anthracen